

ÔN TẬP TOÁN 6 – LẦN 8

Bài 1: Tìm các ước chung lớn hơn 10 của 108 và 180.

Bài 2 : Thực hiện phép tính

1) $75 - (3 \cdot 5^2 - 4 \cdot 2^3)$

2) $(-17) + 5 + (-3) + 17$

3) $2^3 \cdot 17 - 14 + 2^3 \cdot 3^2$

4) $(28 + 46) + (53 - 28 - 31 - 46)$

5) $31 \cdot 32 + 32 \cdot 69 - 700$

6) $225 : 3^2 + 4^3 \cdot 125 - 125 : 5^2$

Bài 3: Biết số học sinh của một trường trong khoảng từ 700 đến 800 học sinh, khi xếp hàng 30, hàng 36, hàng 40 đều vừa đủ. Tính số học sinh của trường đó .

Bài 4:

a) Vẽ đoạn thẳng $MN = 6$ cm .Trên đoạn thẳng MN lấy điểm I sao cho $MI = 3$ cm .Tính IN .

b) Điểm I có là trung điểm của đoạn thẳng MN không? Vì sao?

Bài 5: Trên tia Ox vẽ hai điểm M và N sao cho: $OM = 3$ cm, $ON = 6$ cm.

a) Tính MN

b) Điểm M có là trung điểm của đoạn ON không? Vì sao?

Bài 6:

Cho $A = \{x \in \mathbb{N} / x : 3 \text{ và } x \leq 30 \}$

a. Hãy liệt kê các phần tử của tập hợp A .

b. Tính tổng các phần tử của tập hợp A (bằng cách nhanh nhất).

Bài 7:

Tìm x biết:

a) $91 - 3x = 61$

b) $72 : (4x - 3) = 2^3$

c) $2^{x+1} = 32$

g) $(x - 6)^3 = (x - 6)^2$

d) $(7x - 11)^3 = 25 \cdot 32 + 200$

e) $3 + 2^{x+1} = 24 - [4^2 - (2^2 - 1)]$

f) $x^{17} = x$

h) $(x - 2)^2 - 25 = 0$

Bài 8:

Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút chì và 36 tập giấy thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng ? Mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bao nhiêu bút chì, bao nhiêu tập giấy ?

Bài 9:

Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 3$ cm, $OB = 7$ cm. Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

a. Điểm A có nằm giữa hai điểm O và B không ? Vì sao ?

b. Tính AB , OM .

Bài 10: Tính:

$$A = 2^{100} - 2^{99} + 2^{98} - 2^{97} + \dots + 2^2 - 2$$

$$B = 3^{100} - 3^{99} + 3^{98} - 3^{97} + \dots + 3^2 - 3 + 1$$

.....